

**(DỰ THẢO)**

*Bình Phước, ngày      tháng      năm 2021*

## **ĐỀ ÁN**

### **Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030**

#### **Phần I**

#### **SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

##### **I. Lý do xây dựng Đề án**

Trong những năm qua, công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em luôn được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm, được coi là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu để bảo đảm an sinh xã hội, vì mục tiêu phát triển ổn định và lâu dài của đất nước. Để tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước, ngày 14/12/2010, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐND về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 16/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 16), được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và sự phối hợp của các cấp, các ngành, địa phương nên công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả quan trọng, các chương trình, đề án, kế hoạch hành động vì trẻ em trên địa bàn tỉnh được các cấp chính quyền, các ngành triển khai đồng bộ, đời sống tinh thần và vật chất của trẻ em có những chuyển biến tích cực.

Về chăm sóc sức khỏe, đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ em được chú trọng. 100% trẻ em mồ côi, khuyết tật nặng, trẻ bị nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo được trợ cấp thường xuyên và được miễn, giảm học phí. Số xã, phường, thị trấn được công nhận phù hợp với trẻ em tăng qua từng năm. Công tác chăm sóc đời sống văn hóa tinh thần, vui chơi, giải trí cho trẻ em được cải thiện và nâng lên rõ rệt. Các thiết chế văn hóa, vui chơi, giải trí dành cho trẻ em ngày càng được quan tâm, đầu tư. Công tác xã hội hóa về bảo vệ, chăm sóc trẻ em (BVCSTE) được thực hiện hiệu quả, nhất là trợ giúp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. 25 quyền của trẻ em được quy định tại Luật Trẻ em năm 2016 đều được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các em được phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác BVCSTE của tỉnh vẫn còn những hạn chế, bất cập cần quan tâm giải quyết trong thời gian tới, đó là: Việc xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện nhằm bảo vệ trẻ em ở nhiều địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chưa có các biện pháp hiệu quả dẫn tới tình trạng trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại, tai nạn thương tích, đặc biệt là đuối nước trẻ em vẫn xảy ra

với diễn biến phức tạp và nghiêm trọng. Hệ thống cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em còn nhiều hạn chế.

Sau 10 năm thực hiện, đến nay một số chỉ tiêu, mục tiêu của Nghị quyết 16 đã không còn phù hợp; một số căn cứ pháp lý của Nghị quyết 16 đối với công tác trẻ em hết hiệu lực. Chính sách cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVCSTE tại cấp xã và cộng tác viên BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố còn nhiều bất cập.

Bên cạnh đó để thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh thì nhất thiết cần phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong công tác bảo vệ, chăm sóc và thực hiện quyền trẻ em.

Hiện nay toàn tỉnh có 303.666 em dưới 16 tuổi, trong đó trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là 3.541 trẻ em (chiếm 1,16%) và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt hơn 25.000 (chiếm 8,17%) trên tổng số trẻ em toàn tỉnh. Đây là khó khăn, thách thức cho công tác BVCSTE của tỉnh trong thời gian tới.

Vì vậy, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về tăng cường thực hiện công tác BVCSTE giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là thực sự cần thiết để tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả các chính sách, pháp luật về BVCSTE. Đồng thời tăng cường trách nhiệm hành động của các cấp chính quyền, các ngành và tập trung đầu tư nguồn lực để đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 và các chương trình bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2021- 2025, thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hoặc có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh được phát triển toàn diện, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội theo quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 11-NQ/ĐH Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2021-2025 và Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X về “Tầm nhìn chiến lược phát triển tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn 2050”.

## **II. Cơ sở để xây dựng Đề án**

### **1. Các chủ trương của Đảng**

- Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05 tháng 11 năm 2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới với quan điểm: chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em là vấn đề có tính chiến lược, lâu dài, góp phần quan trọng vào việc chuẩn bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Đầu tư cho trẻ em là đầu tư cho tương lai của đất nước.

- Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tăng

cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới, với quan điểm: xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

## **2. Các văn bản pháp luật của Nhà nước**

- Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội.
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội.
- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội *(được sửa đổi bổ sung theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội)*.
- Nghị quyết số 121/2020/NQ/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.
- Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em.
- Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.
- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

## **3. Các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em do Thủ tướng Chính phủ ban hành**

- Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2018 về phê duyệt Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018-2025.
- Quyết định số 1438/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2018 về phê duyệt Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018-2025.
- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2019 về ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.
- Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2019 về Phê duyệt Đề án “Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018 - 2025”
- Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2019 về phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019-2025.
- Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019 về phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020-

2025.

- Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2020 về ban hành kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2020 ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2020 Phê duyệt Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021 – 2030.

- Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2021 về phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trái với quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2021 về phê duyệt Chương trình bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 1248/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2021 về phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, tương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030.

## **Phần II.**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC TRẺ EM**

#### **I. Kết quả đạt được**

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 16 của HĐND tỉnh, công tác BVCSTE ở 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu sức khỏe của trẻ em như tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi đến năm 2020 là 13,1‰, tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi là 19,6‰. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng ngày càng được cải thiện và giảm dần. Số xã, phường, thị trấn có điểm vui chơi cho trẻ em giai đoạn 2011 – 2015 đạt 62,16% và đến năm 2020 đạt 73,87% (vượt 28,87% so với chỉ tiêu của Nghị quyết). Tỷ lệ xã phường, thị trấn được công nhận “*xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em*” tăng theo từng năm, năm 2011 đạt 61,26%, đến năm 2019 đạt 78,38%.

Hiện toàn tỉnh có 277 trường phổ thông, trong đó có 134 trường tiểu học, 109 trường THCS và 34 trường THPT. 11/11 huyện/thị xã và 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; duy trì 111/111 xã,

phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 15/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập THPT. Đến cuối năm 2020 có 144/388 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, chiếm 37,1% so với tổng số trường, vượt chỉ tiêu do HĐND tỉnh giao là 33,3%

10 năm qua đã tổ chức các đợt khám sàng lọc cho hơn 18.000 lượt trẻ em, phẫu thuật cho 315 trẻ em bị bệnh tim mang lại sự sống cho các em, hiện nay toàn bộ trẻ em trên 6 tuổi mắc bệnh tim đều được tinh giúp đỡ phẫu thuật miễn phí, hỗ trợ phẫu thuật các bệnh về mắt, phẫu thuật vận động với số tiền trên 12 tỷ đồng, trao hơn 1400 suất học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học học giỏi với tổng số tiền hơn 01 tỷ đồng, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh nhân các ngày lễ, tết với kinh phí khoảng trên 45 tỷ đồng.

Có được những kết quả trên là nhờ vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của các ngành, đoàn thể, sự chăm lo cho trẻ em của mỗi gia đình, cộng đồng, sự phối hợp và tổ chức thực hiện của các ban, ngành, đoàn thể thì sự quan tâm đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức nhân đạo, từ thiện, các tổ chức xã hội trong và ngoài tỉnh đối với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em với nhiều hình thức, biện pháp thiết thực trên cơ sở tâm huyết và cộng đồng trách nhiệm cao đã mang lại nhiều kết quả tích cực, nhất là trong việc chăm lo cho trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn giúp các em hòa nhập với cộng đồng, vươn lên trong cuộc sống.

## **II. Hạn chế, tồn tại**

- Việc quản lý, nắm thông tin, tình hình của trẻ em chưa được bao quát, kịp thời, nhất là trong việc can thiệp, trợ giúp các em bị bạo lực, bị xâm hại. Công tác phòng ngừa trẻ em khỏi các nguy cơ bị bạo lực, xâm hại chưa thực sự hiệu quả.

- Chưa có cơ chế phối hợp hành động giữa các cơ quan y tế, giáo dục, tư pháp với cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em để kịp thời phát hiện và xử lý các vụ bạo lực, xâm hại trẻ em hoặc hỗ trợ, bảo vệ trẻ em là nạn nhân, nhân chứng của các hành vi bạo lực, xâm hại trước, trong và sau tố tụng.

- Giai đoạn 2011-2015, tỉnh đã ban hành một số chính sách đặc thù cho nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như Đề án can thiệp y tế cho trẻ em khuyết tật, nhưng từ năm 2016 đến nay, chưa có chính sách đặc thù để hỗ trợ cho nhóm đối tượng này.

- Việc trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chỉ mới dựa vào nguồn vận động và chủ yếu tập trung vào hoạt động giúp đỡ vật chất. Các dịch vụ trợ giúp trẻ em chưa đồng bộ và thiếu biện pháp ngăn chặn nguy cơ dẫn đến tình trạng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt như bị xâm hại, bị lạm dụng, bị bỏ rơi.

- Số lượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại địa phương vẫn còn cao và có chiều hướng gia tăng qua từng năm (năm 2012 là 2.505 em, năm 2015 là 2.814, năm 2020 3.541 trẻ em); số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khoảng 25.000 trẻ em (chủ yếu là trẻ em sống trong hộ gia đình nghèo, cận nghèo).

- Tình trạng trẻ em bị tai nạn thương tích, đuối nước, xâm hại, bạo lực, nhất là

xâm hại tình dục có chiều hướng tăng và diễn biến hết sức phức tạp. Số trẻ em lao động sớm, lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm vẫn còn nhưng chưa được thống kê đầy đủ.

- Công tác quản lý số trẻ em di cư theo gia đình, trẻ em có nguy cơ cao bị bạo lực, xâm hại chưa được thực hiện tốt. Việc thực hiện một số quyền trẻ em còn gặp khó khăn như quyền tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội, quyền được bày tỏ ý kiến và hội họp, quyền được bảo vệ không bị bóc lột sức lao động theo quy định của pháp luật còn khó thực hiện trên thực tế.

### **III. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại**

#### **1. Nguyên nhân chủ quan**

- Công tác tham mưu của cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em chưa thực sự chủ động và kịp thời; công tác tổ chức, triển khai, phối hợp thực hiện thiếu chủ động, chưa linh hoạt với tình hình thực tế.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa thực sự quan tâm về công tác BVCSTE, trong công tác chỉ đạo, điều hành, vẫn còn những đơn vị chưa lồng ghép các chỉ tiêu về BVCSTE vào chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Do đó, các chương trình, đề án, kế hoạch của các địa phương rất ít được quan tâm và bố trí nguồn lực để thực hiện.

- Sự phối hợp giữa một số cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội của địa phương trong công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em chưa chặt chẽ, cụ thể, thường xuyên nên hiệu quả chưa cao.

- Việc bố trí kinh phí cho công tác BVCSTE chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ thực tế. Tại cấp huyện, kinh phí chỉ bố trí chung trong nguồn kinh phí đảm bảo xã hội, hầu như không bố trí kinh phí riêng cho các chương trình BVCSTE nên một số chương trình, kế hoạch hành động vì trẻ em theo hướng dẫn của cấp trên nhưng không thể triển khai thực hiện tất cả các hoạt động vì thiếu kinh phí.

- Việc bố trí cán bộ ở cơ sở kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực công tác, trong đó có lĩnh vực BVCSTE nên khó có khả năng hoàn thành hết các nhiệm vụ. Trong khi phụ cấp thấp, địa bàn quản lý rộng nên không khuyến khích họ tích cực, tâm huyết với công việc.

- Một bộ phận phụ huynh, người chăm sóc trẻ em chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm bảo vệ con em, thiếu kiến thức, kỹ năng về BVCSTE. Nhiều gia đình xao nhãng việc bảo vệ trẻ em, không kịp thời hoặc không tố cáo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em.

#### **2. Nguyên nhân khách quan**

- Do điều kiện về kinh tế, xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số (41 dân tộc) chiếm khoảng 20,14% dân số toàn tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao, điều kiện sống còn nhiều khó khăn. Nhận thức của một bộ phận người dân, đặc biệt trong đồng bào dân tộc thiểu số về các vấn đề chăm sóc sức khỏe, giáo

dục, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em chưa cao.

- Do yêu cầu về sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ phụ trách công tác BVCSTE ở cơ sở phải kiêm nhiệm nhiều việc, trình độ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu, thường xuyên biến động, thiếu ổn định nên việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả chưa cao.

### **Phần III**

## **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

### **I. Quan điểm xây dựng Đề án**

- Những nội dung của Nghị quyết phải đảm bảo cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác BVCSTE; bảo đảm chính sách, pháp luật về BVCSTE được quán triệt nghiêm túc và triển khai thực hiện đồng bộ để thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm quy định cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp một cách đồng bộ để tăng cường hiệu quả công tác BVCSTE, trong đó đề cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể và toàn xã hội trong việc bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật hiện hành trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo sự kế thừa, phát huy những kết quả đạt được trong công tác triển khai, thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; tập trung giải quyết những vấn đề có tác động lớn đến sự phát triển toàn diện của trẻ em như tình trạng bạo lực, xâm hại trẻ em, trẻ em bị tai nạn thương tích và tử vong do tai nạn thương tích, lao động trẻ em trái pháp luật, trong đó chú trọng các hoạt động để ngăn ngừa trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

- Đảm bảo các mục tiêu về thực hiện quyền trẻ em được đưa vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của các cấp, các ngành và địa phương; ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu về công tác BVCSTE.

- Ngân sách nhà nước bảo đảm đầu tư các nguồn lực đối với công tác BVCSTE phù hợp với tình hình, khả năng và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **II. Mục tiêu**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em; xây dựng môi trường thân thiện, an toàn, lành mạnh và bình đẳng để tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp kịp thời, phòng ngừa, phát hiện sớm và bảo vệ trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi. Tạo cơ hội cho trẻ em được tham gia vào các hoạt động xã hội, được bày tỏ ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.

#### **2. Các chỉ tiêu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030**

## **2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025**

### **Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em.**

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 76,9%.
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 90%.
- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 9,5 vào năm 2025; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống 8,5; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 12%.
- Chỉ tiêu 4: Phân đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống dưới 9%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống 20 % vào năm 2020 và dưới 19% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị.
- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 95%.
- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 2%.
- Chỉ tiêu 7: Phân đầu 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh.

### **Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em**

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 4,5%. 98% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp.
- Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 4%.
- Chỉ tiêu 10: Phân đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4,5%.
- Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 550/100.000 trẻ em; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 13/100.000 trẻ em.
- Chỉ tiêu 12: Phân đầu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.
- Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2 đến 3% hằng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030.
- Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 100%.

### **Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em**

- Chỉ tiêu 15: Phân đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức



khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 99,1%.

- Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,1%.

- Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,5%; phần đầu không còn trẻ em bỏ học bậc tiểu học vào năm 2025.

- Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 98%; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,14%.

- Chỉ tiêu 19: Phần đầu 95% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em.

- Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt 55%; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 80%.

- Chỉ tiêu 21: Phần đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 40%.

#### **Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em**

- Chỉ tiêu 22: Phần đầu 30% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp.

- Chỉ tiêu 23: Phần đầu 85% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em.

- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 30%.

## **2.2. Các chỉ tiêu phần đầu đến năm 2030**

### **Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em**

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 84,6%.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 95%.

- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 9; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống 10; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 15.

- Chỉ tiêu 4: Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống dưới 6%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống dưới 15%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị.

- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 98% và duy trì tỷ lệ đối với trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc

xin.

- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 2%.
- Chỉ tiêu 7: Phần đầu đạt 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh.

### **Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em**

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 3,5%. 98% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp.
- Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 3,5%.
- Chỉ tiêu 10: Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4%.
- Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 500/100.000; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 12/100.000.
- Chỉ tiêu 12: Phần đầu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.
- Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2 đến 3% hằng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030.
- Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh 100%.

### **Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em**

- Chỉ tiêu 15: Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 99,3%.
- Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,3%.
- Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,8%; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,1%.
- Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 98,5%; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở 0,04%.
- Chỉ tiêu 19: Phần đầu 95% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em.
- Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt 60%; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 90%.
- Chỉ tiêu 21: Phần đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 45%.

### **Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em**

- Chỉ tiêu 22: Phần đầu 35% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các

vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp.

- Chỉ tiêu 23: Phần đầu 90% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em.

- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 35%.

## Phần IV

### NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

#### I. Các nhiệm vụ chủ yếu

##### **1. Tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về công tác BVCSTE.**

- Ban hành kịp thời các văn bản đề chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện tốt công tác BVCSTE; chỉ đạo việc đưa mục tiêu BVCSTE vào kế hoạch hàng năm và từng giai đoạn của ngành và địa phương, ưu tiên bố trí kinh phí, đề ra các giải pháp, nhiệm vụ để triển khai tổ chức thực hiện đạt các chỉ tiêu đề ra.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ theo kế hoạch 5 năm của các cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và các sở, ngành. Từ đó, kịp thời đánh giá và đề ra giải pháp để thực hiện đảm bảo theo Kế hoạch.

##### **2. Bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về BVCSTE trong đó ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ trẻ em.**

a) *Kiện toàn và nâng cao chất lượng bộ máy làm công tác trẻ em các cấp, đảm bảo năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; củng cố và duy trì mạng lưới cộng tác viên làm công tác BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố*

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân lực để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về trẻ em; thực hiện hiệu quả các hoạt động phối hợp liên ngành trong thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em.

- Xây dựng và phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số kiêm công tác BVCSTE tại các thôn, ấp, khu phố (hiện nay số lượng Cộng tác viên dân số toàn tỉnh là 1.658 người). Nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ phụ cấp cho đội ngũ cộng tác viên BVCSTE phù hợp để động viên, khích lệ đội ngũ cán bộ, tăng cường công tác thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em và thực hiện công tác bảo vệ trẻ em tại cộng đồng.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành thực hiện nhiệm vụ hoặc liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em.

*b) Đảm bảo kinh phí và vận động sự tham gia của xã hội cho công tác trẻ em các cấp*

- UBND các cấp quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn ngân sách để đảm bảo thực hiện hiệu quả các mục tiêu về trẻ em và các nhiệm vụ trọng tâm đề ra trong các chương trình, đề án, kế hoạch về công tác trẻ em. Chỉ đạo Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp đẩy mạnh hoạt động huy động, vận động nguồn quỹ để thực hiện các hoạt động hỗ trợ trẻ em, nhất là các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí của trẻ em, đảm bảo các dịch vụ kinh doanh đúng quy định của pháp luật và văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tích cực huy động, vận động sự tham gia hỗ trợ, đóng góp nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, gia đình, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện tốt các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Tạo cơ chế khuyến khích các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, gia đình, cộng đồng, người dân và trẻ em tham gia bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông cho trẻ em.

- Tăng cường quản lý, điều phối của các cơ quan nhà nước đối với việc huy động, sử dụng nguồn lực xã hội cho trẻ em để ưu tiên hỗ trợ, giúp đỡ trẻ em tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới.

**3. Triển khai thực hiện và ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ cho nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.**

- Triển khai kịp thời các chính sách về công tác BVCSTE đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ trẻ em nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Nghiên cứu đề xuất ban hành các chính sách hỗ trợ trẻ em đặc thù, trẻ em đặc biệt khó khăn ngoài những chính sách theo quy định của Trung ương.

**4. Phát triển hệ thống dịch vụ đáp ứng thực hiện quyền trẻ em có sự lồng ghép và phối hợp giữa các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp và các dịch vụ an sinh xã hội; ưu tiên phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em.**

- Triển khai, xây dựng và phát triển mạng lưới, mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em có sự lồng ghép, phối hợp, chuyển tuyến liên ngành, liên cấp và các gói dịch vụ tiếp cận trẻ em, cha mẹ và người chăm sóc trẻ em tại gia đình và cộng đồng phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp và kiêm nhiệm; Cộng tác viên trẻ em, đội ngũ cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp, bảo vệ trẻ em và các dịch vụ an sinh xã hội khác để kịp thời hỗ trợ, chăm sóc trẻ em nhất là các trẻ em gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Duy trì, phát triển hệ thống các cơ sở có chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em như Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Công tác xã hội, cơ sở hỗ trợ cho trẻ em tự kỷ, khuyết tật,... để trẻ có điều kiện hòa nhập với cộng đồng.

- Tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi cho trẻ em chủ động tham gia vào các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em và các hoạt động xã hội khác phù hợp với độ tuổi.

### **5. Tăng cường truyền thông, giáo dục về kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em, vận động xã hội thực hiện các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em**

- Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông, vận động xã hội tham gia thực hiện quyền của trẻ em như Tháng hành động Vì trẻ em, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, ngày Toàn dân đưa trẻ em đến trường, ngày Vi chất dinh dưỡng trẻ em, Tết Trung thu, Diễn đàn trẻ em; các sự kiện văn hóa, thể thao... hỗ trợ trẻ em tổ chức các sự kiện, hoạt động truyền thông cho trẻ em và thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông đại chúng về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Nghiên cứu, sản xuất, nhân bản các sản phẩm truyền thông có chất lượng, phù hợp với vùng, miền và các nhóm đối tượng.

### **6. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em**

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nội dung về trẻ em hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về trẻ em; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trẻ em; giải quyết, đôn đốc việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em, cha mẹ, người giám hộ, tổ chức đại diện tiếng nói nguyện vọng của trẻ em.

- Duy trì, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em (*Bộ chỉ số trẻ em, Sổ theo dõi trẻ em trong gia đình*) và phần mềm quản lý đối tượng trẻ em; thường xuyên rà soát, cập nhật, thu thập thông tin về trẻ em.

- Tổ chức các cuộc khảo sát, điều tra, nghiên cứu về trẻ em, tình hình xâm hại trẻ em và các tác động đến việc thực hiện quyền trẻ em, đặc biệt là điều tra 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh để xây dựng kế hoạch trợ giúp, can thiệp hiệu quả đối với trẻ em.

- Nâng cấp hệ thống thông tin, thống kê, báo cáo về tình hình trẻ em, thực hiện chính sách, pháp luật về quyền trẻ em.

- Nâng cấp, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em, bảo đảm chất lượng thông tin về trẻ em, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em từ cộng đồng dân cư và hộ gia đình.

## **II. Các giải pháp cơ bản thực hiện Đề án**

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền; nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trong việc thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, biểu dương khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân làm tốt công tác này, đồng thời xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quyền trẻ em.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông làm cho mọi người, mọi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Kết hợp tốt ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội. Chú trọng hình thức tư vấn, tham vấn, công tác xã hội và vận động trực tiếp gia đình, cộng đồng dân cư về kỹ năng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tập trung hoạt động truyền thông, giáo dục vào những vùng dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và những nhóm đối tượng còn hạn chế trong thực hiện trách nhiệm của mình đối với trẻ em.

3. Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp liên ngành giữa cơ quan nhà nước các cấp, các ngành với các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị, doanh nghiệp trong thực hiện quyền trẻ em. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tại địa phương. Phối hợp lồng ghép có hiệu quả các mục tiêu về BVCSSTE vào các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội. Xây dựng hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản cho gia đình và trẻ em.

4. Tổ chức tốt công tác vận động xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em, ngoài ngân sách Nhà nước hỗ trợ có mục đích theo từng thời kỳ, cần đa dạng hoá các hình thức vận động, đóng góp tự nguyện của mọi người, mọi gia đình, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các lực lượng xã hội, các tổ chức quốc tế và các hình thức vận động khác.

5. Bố trí kinh phí để thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động vì trẻ em, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương, UBND các cấp quyết định kinh phí đảm bảo cho Chương trình hành động vì trẻ em và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện tốt các chương trình quốc gia có liên quan đến trẻ em.

6. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, nhất là cấp cơ sở.

7. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em và giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em.

## **Phần V**

### **KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

1. Kinh phí thực hiện đề án được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp quản lý; Lòng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật (nếu có). Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án này, các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương chủ động lập dự toán chi hằng năm, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm chi phụ cấp cho chức danh kiêm nhiệm công tác BVCSTE tại xã, phường, thị trấn và cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn, ấp, khu phố và được bố trí theo quy định phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, cụ thể:

a) Bố trí chức danh kiêm nhiệm công tác BVCSTE trong số công chức, những người hoạt động không chuyên trách, viên chức thuộc quyền quản lý của Chủ tịch UBND cấp xã, được hưởng thêm mức phụ cấp 0,25 mức lương cơ sở/người/tháng (372.500 đồng) ngoài mức phụ cấp chính được hưởng.

b) Sử dụng mạng lưới Cộng tác viên dân số kiêm nhiệm công tác BVCSTE tại các thôn, ấp, khu phố (hiện nay số lượng Cộng tác viên dân số toàn tỉnh là 1.658 người) được hưởng thêm mức phụ cấp bằng 0,125 mức lương cơ sở/người/tháng (186.250 đồng) ngoài mức phụ cấp cộng tác viên dân số đã được hưởng.

## **Phần VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Là cơ quan thường trực, chủ trì và phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và chính quyền các địa phương triển khai thực hiện các mục tiêu về BVCSTE.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai, thực hiện kịp thời chính sách, pháp luật về công tác trẻ em và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác trẻ em trên địa bàn tỉnh; giải quyết, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết các ý kiến, kiến nghị của trẻ em, phụ huynh trẻ em và tổ chức đại diện tiếng nói nguyện vọng của trẻ em.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục tham mưu xây dựng và thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em (*đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong giai đoạn 2021-2025*) đảm bảo các mục tiêu phù hợp với tình hình thực tế, tránh trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

- Tham mưu, hướng dẫn kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu vì trẻ em tỉnh; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác trẻ em.

- Xây dựng, hướng dẫn thực hiện và phát triển các mô hình bảo vệ trẻ em;

phòng, chống xâm hại, tai nạn, thương tích trẻ em; phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em về các vấn đề của trẻ em; phối hợp với Tỉnh đoàn thực hiện và phát triển mô hình Hội đồng trẻ em các cấp.

- Nâng cấp, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em, phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành; chủ trì, phối hợp tổ chức khảo sát, điều tra, nghiên cứu về trẻ em và các tác động đến việc thực hiện quyền trẻ em. Tiếp tục xây dựng và duy trì Bộ chỉ số xếp hạng thực hiện quyền trẻ em đối với các địa phương, kết nối cơ sở dữ liệu về trẻ em giữa địa phương với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn phát triển Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp, huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tăng nguồn lực thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện Đề án; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

## **2. Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em của Đề án.

- Thực hiện các giải pháp, chương trình, đề án, dự án về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS, trẻ em khuyết tật v.v...

- Hướng dẫn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em di cư, trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong các cơ sở y tế.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao kiến thức, kỹ năng phòng ngừa các nguy cơ, nhất là nguy cơ tai nạn, thương tích; xây dựng cộng đồng an toàn phòng chống tai nạn, thương tích trẻ em.

- Vận động các nguồn lực ngoài ngân sách chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho trẻ em; chỉ đạo hệ thống cơ sở y tế thuộc ngành tổ chức mô hình công tác xã hội để tư vấn, trợ giúp, hỗ trợ trẻ em trong quá trình khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế.

## **3. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về giáo dục đối với trẻ em. Xây dựng và thực hiện chương trình bảo vệ trẻ em trong môi trường giáo dục.

- Thực hiện các giải pháp để thu hút trẻ mầm non đến trường, thúc đẩy phát triển nhà trẻ trong các khu công nghiệp; tạo điều kiện thu hút trẻ khuyết tật vào học, hòa nhập với trường học công lập; triển khai chính sách, giải pháp nhằm giảm thiểu



tình trạng trẻ em bỏ học, đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc thiểu số; duy trì và mở rộng các trường bán trú và dân tộc nội trú.

- Tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực; bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực về bảo vệ trẻ em cho cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ phụ trách công tác Đoàn - Đội; tích hợp việc giáo dục kỹ năng sống, tự bảo vệ, giao tiếp, ứng xử tích cực cho học sinh vào chương trình giáo dục trong nhà trường và các cơ sở giáo dục; phát triển mô hình đối thoại học đường, cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong trường học; đẩy mạnh công tác xã hội trong trường học; nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động tư vấn tâm lý học đường.

- Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục, đặc biệt là giáo dục lối sống văn hóa, rèn luyện đạo đức cho học sinh. Tích hợp, lồng ghép các nội dung có sự tham gia của trẻ em vào các chương trình chính khóa và hoạt động ngoại khóa phù hợp với cấp học, năng lực, sự phát triển của trẻ em.

#### **4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành địa phương hướng dẫn, triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về bảo đảm vui chơi, giải trí cho trẻ em theo lĩnh vực ngành phụ trách.

- Quan tâm tổ chức các hoạt động văn hoá, vui chơi giải trí cho trẻ em với hoạt động biểu diễn, sáng tác nghệ thuật có nội dung phù hợp với văn hóa truyền thống, phù hợp với trẻ em theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ trẻ em, phòng ngừa xâm hại trẻ em trong các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chặt chẽ các sản phẩm văn hóa và việc tổ chức các hoạt động văn hóa, bảo đảm cho trẻ em được tiếp cận môi trường văn hóa lành mạnh.

- Hướng dẫn, trang bị kỹ năng cho gia đình về thực hiện quyền trẻ em, nâng cao chất lượng phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, đẩy mạnh công tác phòng, chống bạo lực gia đình và Đề án tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình trên địa bàn tỉnh.

#### **5. Sở Tư pháp**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành hướng dẫn, thực hiện mục tiêu về khai sinh của trẻ em, tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện tốt việc đăng ký khai sinh theo quy định tại Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Hộ tịch và Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

- Truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng hình sự, xử lý vi phạm hành chính, đặc biệt đối với trẻ em là nạn nhân, nhân chứng. Đề xuất, tư vấn các biện pháp xử lý thân thiện đối với trẻ em vi phạm pháp luật ở mức không nghiêm trọng, giao cho cộng đồng quản lý, giáo dục các em, tạo điều kiện cho các em được học tập và phát triển.

## 6. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, địa phương trong việc phối hợp hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ an toàn cho trẻ em là nạn nhân bị xâm hại; phòng ngừa tái phạm, quản lý, giáo dục trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật; đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em để thực hiện tốt chỉ tiêu giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em toàn tỉnh.

- Áp dụng các biện pháp điều tra thân thiện đối với trẻ em; nâng cao năng lực, kỹ năng cho lực lượng công an các cấp về điều tra, giải quyết các vụ án liên quan đến trẻ em hoặc người chưa thành niên.

- Đẩy mạnh đấu tranh, phòng ngừa tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi trẻ em; tuyên truyền vận động người dân thông báo, tố cáo các hành vi xâm hại trẻ em và có biện pháp bảo vệ người thông báo, tố cáo.

## 7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, Công/trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh tăng cường truyền thông, giáo dục về kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em, vận động xã hội thực hiện các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em của đề án. Thẩm định, cấp phép xuất bản tài liệu tuyên truyền về các nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện đề án này.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hình thành văn hóa số cho trẻ em, hướng dẫn tăng cường năng lực của trẻ em tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đồng thời có giải pháp bảo đảm an toàn cho trẻ em khi tham gia môi trường mạng.

- Thường xuyên tổ chức phổ biến chính sách, pháp luật về trẻ em và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí về thực hiện quyền trẻ em trong hoạt động thông tin, truyền thông.

**8. Ban Dân tộc tỉnh:** Đẩy mạnh thông tin, truyền thông về các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về hôn nhân, gia đình và trẻ em để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong hôn nhân, giảm thiểu tảo hôn ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

## 9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan tổng hợp các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm và hằng năm trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan cân đối nguồn lực, bố trí vốn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác trẻ em trong Đề án; vận động các nguồn lực ngoài ngân sách cùng tham gia thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

## **10. Sở Tài chính**

- Trên cơ sở dự toán đề nghị của các sở, ban, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh kinh phí thực hiện các hoạt động của Đề án theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí Đề án theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

**11. Sở Xây dựng:** Rà soát, tổng hợp, bổ sung các thiết chế cơ bản trên địa bàn toàn tỉnh để đưa vào quy hoạch, bố trí các điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em theo đúng quy định của pháp luật.

**12. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, quan tâm bố trí quỹ đất để xây dựng các điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em.

**13. Các sở, ban, ngành liên quan:** Theo chức năng, nhiệm vụ và của cơ quan, đơn vị, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh; báo cáo kết quả thực hiện Đề án gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

**14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên:** Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, đẩy mạnh tuyên truyền, thông tin đến cán bộ, đoàn viên, hội viên về nội dung của Đề án; lồng ghép truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và giám sát thực hiện Đề án.

## **15. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Tỉnh đoàn**

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, đẩy mạnh tuyên truyền, thông tin đến cán bộ, đoàn viên, hội viên về nội dung của Đề án; lồng ghép truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và giám sát thực hiện Đề án.

- Tỉnh Đoàn chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em và giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan hướng dẫn bảo đảm sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì hoặc phối hợp với các ban, ngành chức năng tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em.

## **16. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tại địa phương theo giai đoạn 05 năm và hằng năm, trong đó phải đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và giải pháp khả thi để tổ chức thực hiện. Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách, pháp luật về trẻ em, trong đó tập trung thực hiện các giải pháp, biện pháp xây dựng

môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện, phù hợp với trẻ em.

- Tham mưu cho HĐND cùng cấp ban hành Nghị quyết về tăng cường thực hiện công tác BVCSTE tại địa phương; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ, chuyên đề về việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em trên địa bàn theo quy định.

- Bố trí ngân sách đảm bảo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án tại địa phương; đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện, nhân rộng các mô hình, hoạt động về thực hiện quyền trẻ em trong các chương trình, kế hoạch, dự án do ngân sách Trung ương và nguồn viện trợ quốc tế (nếu có).

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, rà soát việc bảo đảm môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ em; phòng, chống xâm hại, tai nạn, thương tích trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; chỉ đạo xử lý nghiêm và kịp thời các vụ việc xâm hại trẻ em trên địa bàn.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của tổ chức phối hợp liên ngành trong việc thực hiện hoạt động bảo vệ trẻ em tại cấp huyện, cấp xã. Kiện toàn, bố trí hợp lý nhân lực thực hiện công tác trẻ em tại địa phương.

- Theo dõi, đánh giá việc thực hiện Đề án của địa phương; sơ kết vào năm 2023 và tổng kết vào năm 2025 về kết quả thực hiện Đề án gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo theo quy định./.